

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH

Địa chỉ: Số 489, đường 30/4, Phường I, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
NĂM 2019

Tây Ninh, tháng 4 năm 2020

Số: 83 /BCTN-TNW

Tây Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
- Tên Tiếng Anh: TAY NINH WATER SUPPLY AND DRAINAGE JOINT STOCK COMPANY
- Mã cổ phiếu: WTN
- Vốn điều lệ: 105.768.270.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 489, Đường 30/4, KP1, P1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276.3822 240
- Fax: 0276.3822 243
- Email: capthoatnuoctayninh@gmail.com
- Website: www.capthoatnuoctayninh.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3900243762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16 tháng 03 năm 2016. Giấy xác nhận số 6875/17 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh, ngày 13/7/2017 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- Logo:



2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước 30/4/1975, Công ty là Trung tâm Cấp thủy Tây Ninh, trực thuộc Quốc gia sản Cấp thủy cục Sài Gòn. Sau 30/4/1975, đổi tên thành Xí nghiệp Cấp nước trực thuộc Sở Xây dựng Tây Ninh. Đến năm 1998, đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 95/QĐ-CT ngày 24/9/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, là một doanh nghiệp

nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 22/03/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Ngày 01/03/2006, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 19/QĐ-UBND, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Ngày 06/11/2015, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2558/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh thành Công ty cổ phần. Ngày 02/3/2016 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh.

- Trước 1994, Công ty chỉ khai thác nước ngầm tại các trạm bơm giếng với công suất 50-60m³/giờ/giếng, tổng công suất phát ra khoảng 6.000 m³/ngày. Năm 1994, Nhà máy nước Tây Ninh công suất 7.000 m³/ngày đi vào hoạt động, nguồn nước khai thác lấy từ hồ Dầu Tiếng Tây Ninh. Năm 2010, với nguồn vốn vay ADB nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh lên 18.000 m³/ngày, cùng với các trạm khai thác nước ngầm tại các trung tâm huyện Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cầu và Châu Thành, nâng tổng công suất thiết kế của toàn Công ty lên 27.400 m³/ngày đêm.

- Từ ngày 01/03/2006 đến ngày 02/3/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Tây Ninh hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Từ 02/3/2016 đến nay, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh, Nhà nước nắm giữ 52% vốn điều lệ.

- Năm 2018 là năm thứ 3 Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Thực hiện Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 trong năm 2018, Công ty hoàn thành công tác thoái vốn nhà nước 17% tại Công ty. Số lượng cổ phần nhà nước sở hữu tại Công ty sau khi thoái vốn là 3.701.940 cổ phần, tương ứng 35% vốn điều lệ.

- Năm 2019 là năm thứ 4 Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
2	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	2599
3	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
4	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7	Thu gom rác thải độc hại	3812
8	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
9	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822

10	Tái chế phế liệu	3830
11	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
12	Xây dựng công trình đường bộ	4210
13	Xây dựng công trình công ích	4220
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
15	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.	4322
17	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18	Hoàn thiện công trình xây dựng: Dặm và đường	4330
19	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
21	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23	Sản xuất kinh doanh khác theo quy định của pháp luật	

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty có hệ thống cấp nước đô thị trên 6/9 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Công suất thiết kế cung cấp nước sạch của Công ty là 34.200 m³/ngày đêm. Trong đó: Nhà máy nước Tây Ninh (xử lý nước mặt) công suất 18.000 m³/ngày đêm (đang xây dựng nâng công suất lên 30.000 m³/ngày đêm, phục vụ cấp nước cho thành phố Tây Ninh, thị trấn Hòa Thành (Xây dựng thêm Trạm Cấp nước Long Thành Trung, công suất 1.200 m³/ngày, đưa vào khai thác tháng 7/2019), thị trấn Châu Thành và một số vùng phụ cận. Hệ thống cấp nước ở các huyện khai thác nước ngầm bao gồm: huyện Gò Dầu có hệ thống cấp nước công suất 2.800 m³/ngày đêm, huyện Trảng Bàng có hệ thống cấp nước: khu thị trấn Trảng Bàng có công suất 2.400 m³/ngày và khu công nghiệp Trảng Bàng có công suất 4.200 m³/ngày, huyện Bến Cầu có hệ thống cấp nước 2.800 m³/ngày và huyện Châu Thành có hệ thống cấp nước 2.800 m³/ngày.

Đến 31/12/2019, Công ty quản lý và cấp nước cho khoảng 33.955 khách hàng với sản lượng tiêu thụ năm 2019 là 7.595.762 m³, trong đó đối tượng sử dụng nước sinh hoạt chiếm 72,54% (năm 2018: 69,20%); đối tượng cơ quan hành chính sự nghiệp chiếm 5,61% (năm 2018: 5,75%); sản xuất vật chất, doanh nghiệp chiếm 9,67% (năm 2018: 9,2%); khu công nghiệp chiếm 8,91% (năm 2018: 13,13%); đối tượng kinh doanh dịch vụ chiếm 3,27% (năm 2018: 2,72%)

Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước Công ty còn tiến hành công tác cải thiện mạng lưới cấp nước hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước những khu vực đông dân cư. Tổng chiều dài mạng lưới thuộc Công ty quản lý 461.649 m bao gồm các loại ống nhựa PVC

và HDPE truyền tải, phân phối D400; D300; D250; D200; D150; D100 và các loại ống nhỏ hơn D100. Mật độ bao phủ chiếm 53,95% dân số đô thị được cấp nước.

Cuối năm 2019, Công ty thành lập Phòng Quản lý chất lượng nước, không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ, dịch vụ cho khách hàng. Qua quá trình phát triển đơn vị đạt được một số thành tựu quan trọng tạo tiền đề cho bước phát triển mới trong những năm tiếp theo như: Cấp nước phục vụ sinh hoạt ổn định, liên tục với áp lực tốt nhất, chất lượng nước cấp đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” của Bộ Y tế. Tỷ lệ thất thoát nước năm 2016 là 20,03% được kéo giảm xuống năm 2019 còn 19,84%.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (TNW) hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có vốn nhà nước 35% vốn điều lệ, có mã chứng khoán là WTN, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Cổ đông lớn là Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP (DNP Water). Thời điểm 31/12/2019, DNP Water có cổ phần sở hữu tại Công ty là 59,47%. Với tư cách là cổ đông lớn, DNP Water có thể hỗ trợ TNW về tài chính, công nghệ, quản trị ngày càng phát triển, góp phần mang lại nguồn nước sạch có chất lượng và đảm bảo an sinh xã hội cho Nhân dân Tây Ninh.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban giám đốc
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổ chức hành chính, Dịch vụ khách hàng, Kỹ thuật; Tài chính kế toán, Quản lý chất lượng nước, Ban Phát triển dự án.
- Các Đội, Trạm trực thuộc Công ty: Đội Xây lắp, Chi nhánh cấp nước thành phố, Trạm Cấp nước Gò Dầu, Trạm Cấp nước Trảng Bàng, Trạm Cấp nước Bến Cầu.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4.4. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Cựu chiến binh.

5. Định hướng phát triển

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh đã và đang triển khai thực hiện dự án xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng (Theo Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà máy cung cấp nước sạch huyện Trảng Bàng, công suất giai đoạn 1: 30.000 m³/ngày)

- Với việc nâng cấp và gia tăng các đô thị thì lượng nước sạch cần cung cấp cũng phải tăng theo để bắt kịp đà phát triển của xã hội. Theo đó thì lượng nước cấp cho khu vực nội bộ của đô thị loại III sẽ nâng lên thành 150 lít/người/ngày, đô thị loại IV, V sẽ nâng lên thành 100 lít/người/ngày.

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014-2020 và định hướng đến năm 2030 (Theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh),

thì giai đoạn 2016-2020 số lượng các đô thị trên địa bàn toàn tỉnh là 14 đô thị tăng thêm 5 đô thị so với thời điểm năm 2015 cụ thể như sau:

- Đô thị loại III: có 1 đô thị (Thành phố Tây Ninh).
- Đô thị loại IV: có 3 đô thị (thị xã Trảng Bàng, Hòa Thành và thị trấn Gò Dầu)
- Đô thị loại V: có 10 đô thị trong đó có 5 thị trấn: Tân Biên, Tân Châu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu và 5 Đô thị mới được hình thành là: Phước Đông - Bời Lời, Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Kà Tum.

- Triển khai thực hiện đề án quy hoạch cấp nước khu du lịch Núi Bà Đen đến năm 2035 (Theo Quyết định số 1099/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của Chính phủ)

- Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tập trung mọi nguồn lực cố gắng phấn đấu Công ty hoạt động có lãi và ngày càng cao hơn. Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ chất lượng, đủ sức đáp ứng các yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Phối hợp với Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng Phước Hoà về phương án thời gian thi công bê tông hoá kênh Tây, mức độ duy trì cấp nước cho nhà máy, chất lượng nước. Đồng thời nghiên cứu các phương án: i) Bổ sung nguồn nước ngầm (khoan giếng) tại nhà máy nước tạm thời trong thời gian thiếu nước nguồn do thi công bê tông hoá kênh Tây; ii) Phục hồi, trang bị thêm bồn lọc tại giếng khoan Long Thành Trung – Hoà Thành để bổ sung nguồn nước trong trường hợp khẩn cấp; iii) Bổ sung nguồn nước từ trạm tăng áp Châu Thành.

- Năm 2019 chưa được điều chỉnh giá nước.

- Năm 2019 chưa xử lý xong việc chong lán của Indeco lên khu vực cấp nước của Công ty tại Khu công nghiệp Trảng Bàng.

- Kể từ tháng 3/2019 giá điện tăng 8,36%, chi phí hóa chất tăng do chất lượng nước thô xấu, do Công ty khai thác thủy lợi Dầu tiếng Phước Hoà thực hiện chương trình bê tông hoá kênh tây, có ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

- Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, bị rò rỉ nước ở mức cao và có cả sự gian lận trong sử dụng nước. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận... khi sử dụng nước dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Riêng ở Tây Ninh do nguồn nước ngầm phong phú, nên số khách hàng sử dụng nước máy có sản lượng bằng 0 tăng cao khó thu hồi vốn đầu tư, khó kiểm soát thất thoát nước.

- Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt

động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, mới chỉ có Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117 (chưa có Luật cấp nước). Tuy nhiên, có thể thấy mặt tích cực từ những thay đổi này tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

- Thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề được dư luận quan tâm nhất. Chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	168.588.319.420
1.1	Tài sản ngắn hạn	16.229.941.757
1.2	Tài sản dài hạn	152.358.377.663
2	Nguồn vốn	168.588.319.420
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn	59.786.064.169
2.2	Vốn chủ sở hữu	108.802.255.251
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	64.835.652.759
3.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.826.159.499
3.2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.220.814
3.3	Doanh thu khác	6.272.446
4	Tổng chi phí	61.398.307.566
4.1	Giá vốn hàng bán	30.504.755.550
4.2	Chi phí bán hàng	18.890.931.975
4.3	Chi phí tài chính	2.634.837.341
4.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.362.042.476
4.5	Chi phí khác	5.740.224
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.437.347.193
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.033.985.251

1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019

- Năm 2019, tình trạng nước thô xấu, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chất lượng nước thô từ Hồ Dầu Tiếng theo kênh tây về Nhà máy xử lý nước có các chỉ tiêu độ màu, độ đục, rong tảo và mangan cao hơn mức bình thường so với các năm trước, do Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng Phước Hòa, bê tông hóa kênh tây, nên việc xử lý nước đạt tiêu chuẩn quy định rất khó khăn và phát sinh lớn chi phí hóa chất, điện năng.

- Thời gian thi công các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước phụ thuộc vào thời tiết và chờ phối hợp với các đơn vị thi công khác nên lưu lượng nước cung cấp không đáp ứng được yêu cầu khách hàng, ít nhiều bị tổn thất nước do các đơn vị thi công khác làm bể ống nước của Công ty, nhiều công trình mở rộng mạng lưới cấp nước bị đình trệ, phải chuyển sang năm 2020 tiếp tục thi công.

- Khách hàng lắp đặt đồng hồ nước nhưng không sử dụng nước chiếm 11,26% (kỳ 12/2019 là 3.822/33.955 khách hàng)

- Đơn giá khoán công tác ghi thu tại chỗ được điều chỉnh là 5.000 đồng/đồng hồ.

- Tháng 8/2019 công tác khoán cho bộ phận trực tiếp được triển khai áp dụng (tính KPI trên các tiêu chí nước sản xuất, nước tiêu thụ, tỷ lệ hao, lắp đặt ống nhánh, thay đồng hồ nước cho khách hàng) từng bước ổn định, chuyên nghiệp hơn.

Mặc dù đối mặt với khó khăn và thách thức, nhưng CBCNV trong Công ty đã rất nỗ lực đảm bảo cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho khách hàng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, ổn định sản xuất và đạt được kết quả hoạt động SXKD năm 2019 như sau:

Bảng 1. Nước sản xuất, nước tiêu thụ, tỷ lệ hao hụt, doanh thu nước máy:

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)	
						Thực hiện 2019/2018	TH/KH 2019
a	b	c	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Nước sản xuất	m ³	9.244.999	9.690.652	10.254.148	110,92	105,81
2	Nước tiêu thụ	m ³	7.595.762	7.998.459	8.219.639	105,30	102,77
3	Tỷ lệ hao hụt	%	17,84	17,46	19,84	2,00	2,38
4	Doanh thu nước trước thuế VAT	1.000 đ	58.528.563	61.631.516	63.411.030	108,34	102,89

Bảng 2. Kết quả kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Diễn giải	Doanh thu		Chi phí		Lãi (+), lỗ (-)	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH
1. Hoạt động SXKD nước	61.681.516	63.414.251	62.467.526	61.392.567	-786.010	2.021.684
1.1. Nước máy	61.631.516	63.411.030	59.767.526	58.757.730	1.863.990	4.653.300
1.2. Hoạt động tài chính	50.000	3.221	2.700.000	2.634.837	-2.650.000	-2.631.616
2. Hoạt động kinh doanh ≠	1.610.000	1.421.401	1.205.000	5.740	405.000	1.415.661
2.1. Dịch vụ công trình	1.600.000	1.415.129	1.200.000		400.000	1.415.129
2.2. Khác	10.000	6.272	5.000	5.740	5.000	532
Tổng cộng:	63.291.516	64.835.652	63.672.526	61.398.307	-381.010	3.437.345

*** Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019:**

- Phát triển mạng lưới cấp nước:

+ Tổng chiều dài kế hoạch: **117.160 m**

Trong đó:

- Ống D315: 3.750 m
- Ống D225: 4.455 m
- Ống D160: 10.250 m
- Ống D110: 31.595 m
- Ống D63: 55.540 m

+ Tổng giá trị khái toán: **33.295.604.000** đồng

+ Tổng chiều dài thực hiện: **64.923 m** đạt 55,42% so với kế hoạch.

Trong đó:

- Ống D315: 78 m
- Ống D225: 4.488 m
- Ống D160: 2171 m
- Ống D110: 21.572 m
- Ống D63: 36.623 m

+ Tổng giá trị quyết toán: **14.189.000.000** đồng đạt 42,62% so với khái toán.

- Đầu tư máy móc thiết bị và công trình khác: 515.688.000 đồng

+ Hệ thống xử lý sắt-mangan giếng Long Thành Trung CS 50m³/h: 373.992.000 đồng;

+ Bơm chìm cấp 2 Trạm Lò Gạch: 52.500.000 đồng;

+ Bơm trục ngang NBG 65-50-160/175AFBBQQE Q = 54 m³/h, H = 37m Grundfos (Bến Cầu): 52.646.000 đồng;

+ Máy soi màu cầm tay DR900 (Trạm CN Châu Thành): 36.550.000 đồng;

1.3. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý

- Chấp hành đúng quy định về sổ sách kế toán, quản lý tài chính chặt chẽ, tiết kiệm. Sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn. Tuân thủ chế độ báo cáo tài chính công khai, minh bạch. Hạch toán, kê khai thuế đúng đủ và kịp thời.

- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý giá vật tư, lượng tồn kho hợp lý. Giám sát chặt chẽ các hợp đồng kinh tế.

- Đội Xây lắp được thành lập và đi vào hoạt động đã đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình của Công ty. Chi phí nhân công khoán cho Đội Xây lắp theo tỷ lệ hợp lý làm giảm rất lớn giá trị quyết toán các công trình.

- Từ tháng 05/2018, Công ty áp dụng hóa đơn điện tử, đồng thời phát triển nhiều phương thức thu để khách hàng thuận tiện lựa chọn như thu tại nhà, thu tại quầy, ngân hàng thu hộ (năm 2018 Công ty liên kết được 4 ngân hàng: Vietin bank; DongA bank; Sacombank; BIDV và tiếp tục liên kết với một số ngân hàng khác). Từ tháng 05/2019, Công ty áp dụng mô hình ghi thu tại chỗ.

- Xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phối hợp phục vụ cho công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Bảng 3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và so sánh với 2 năm trước liền kề

STT	Chỉ tiêu	Đvt	N.2017	N.2018	N.2019	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
1	Nước sản xuất	m ³	8.876.029	9.244.999	10.254.148	115,53	110,92
2	Nước tiêu thụ	m ³	7.312.767	7.595.762	8.219.639	112,40	108,21
3	Tỷ lệ hao	%	17,61	17,84	19,84	+2,23	+2,00
4	Doanh thu nước	1.000 đ	55.130.068	58.528.563	63.411.030	115,02	108,34
5	DT DVCT	1.000 đ	1.236.088	1.908.052	1.415.129	114,48	74,17
6	Lãi (Lỗ)	1.000 đ	2.905.031	3.343.576	3.033.985	104,44	90,74
7	Tổng số lao động	Người	134	132	130	97,01	98,48
8	Nộp ngân sách	1.000 đ	6.724.982	7.386.998	6.013.165	89,42	81,40
9	P.triển kh.hàng	Hộ	3.116	2.843	3.038	97,49	108,86

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành, cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị			
1	Trịnh Thành Nghiêm	10/9/1960	Cử nhân kinh tế	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thế Bảo	11/11/1961	Cử nhân kinh tế	Thành viên HĐQT
3	Ngô Đức Vũ	20/7/1976	Thạc sĩ QTKD	Thành viên HĐQT
4	Lều Mạnh Huy	15/4/1985	Kỹ sư xây dựng	Thành viên HĐQT
5	Trịnh Kiên	18/12/1979	Cử nhân kinh tế	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Thành Thư	26/7/1974	Cử nhân kinh tế	Thư ký HĐQT
II	Ban Kiểm soát			
1	Đình Công Tuấn	17/4/1978	Cử nhân kinh tế	Trưởng ban KS
2	Trương Thùy Dương	28/5/1971	Cử nhân kinh tế	Thành viên BKS
3	Trần Ngọc Công	21/9/1970	Ks. Cấp thoát nước	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc, KTT			
1	Nguyễn Thế Bảo	11/11/1961	Cử nhân kinh tế	Giám đốc
2	Vũ Đình Thung	15/9/1969	Ks. Cấp thoát nước	Phó giám đốc
3	Trương Thị Bích Thảo	01/9/1975	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng
IV	Cán bộ quản lý			
1	Nguyễn Văn Hùng	10/11/1967	Kỹ sư hóa	TP.TCHC
2	Nguyễn Thành Thư	26/7/1974	Cử nhân kinh tế	TP.KHKD
3	Nguyễn Ngọc Diệp	09/8/1968	Cử nhân kinh tế	PP.KHKD
4	Vũ Đình Hải	24/02/1969	Cử nhân kinh tế	TB.PTDA

5	Nguyễn Quang Tâm	15/8/1972	Ks. Cấp thoát nước	PB.PTDA
6	Nguyễn Hữu Tùng	20/02/1983	Ks. Cấp thoát nước	TP.Kỹ thuật
7	Phạm Quốc Phong	22/01/1990	Ks. Cấp thoát nước	PP.Kỹ thuật

2.2. Cơ cấu sở hữu cổ phần, đại diện sở hữu của thành viên HĐQT, BKS:

Stt	Họ và tên	Cổ phần sở hữu		Cổ phần Đại diện sở hữu		Tổng số cổ phần	
		Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
1	Ông Trịnh Thành Nghiêm	55.279	0,52	1.903.829	18,00	1.959.108	18,52
2	Ông Nguyễn Thế Bảo	49.000	0,46	1.798.111	17,00	1.847.111	17,46
3	Ông Ngô Đức Vũ	0	0	0	0	0	0
4	Ông Lê Mạnh Huy	0	0	0	0	0	0
5	Ông Trịnh Kiên	0	0	0	0	0	0
6	Ông Đinh Công Tuấn	0	0	0	0	0	0
7	Ông Trần Ngọc Công	200.000	1,89	0	0	200.000	1,89
8	Bà Trương Thùy Dương	0	0	0	0	0	0

2.3. Những thay đổi nhân sự của HĐQT, BGD trong năm 2019:

Không có

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên phân tích theo trình độ, tính chất hợp đồng lao động, giới tính, thu nhập bình quân 3 năm trước liền kề:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	130	100
1	Trên đại học	1	0,77
2	Đại học	37	28,46
3	Cao đẳng, trung cấp	49	37,69
4	Khác	43	33,08
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	130	100
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0	0
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	2	1,54

3	Hợp đồng không xác định thời hạn	128	98,46
4	Hợp đồng theo thời vụ	0	0
C	Phân theo giới tính	130	100
1	Nam	100	76,92
2	Nữ	30	23,08

D Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)

Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
7.166.000	7.764.000	8.371.000	8.923.000

2.5. Cơ chế chính sách điều hành hoạt động trong năm 2019:

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho Người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho Người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm theo quy định của luật BHXH và được hưởng lương và bảo hiểm xã hội theo quy định. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, khang trang, thoáng mát, nhà xưởng ngăn nắp. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- Đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước, ... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu. Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, Phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

- Chính sách khen thưởng

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

- Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu ưu đãi theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty.

d) Tổ chức phong trào

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra Công ty còn được tổ chức cho cán bộ công nhân viên Công ty đi tham quan nghỉ mát.

3. Tình hình thực hiện các dự án, chào bán chứng khoán

3.1. Dự án xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng

- Tên dự án: Nhà máy cung cấp nước sạch huyện Trảng Bàng.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh.
- Địa điểm: tại ấp Lộc Khê, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Công suất giai đoạn 1: 30.000 m³/ngày đêm.
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1: 246.230.547.000 đồng.
- Mục tiêu dự án: Sản xuất và cung cấp nước sạch cho dân cư và các KCN.
- Chủ trương thực hiện dự án: Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà máy cung cấp nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh.
- Đến 31/12/2019 giải tỏa đền bù được 10/14 hộ, đang hoàn thiện công tác giải tỏa đền bù (Quyết định 5109/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND huyện Trảng Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án nhà máy cung cấp nước sạch huyện Trảng Bàng)

3.2. Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh

- Hiện hữu: 18.000 m³/ngày đêm
- Nâng lên giai đoạn I: 30.000 m³/ngày đêm
- Đến 31/12/2019 đang hoàn thành thủ tục xây dựng

3.3. Tình hình thoái vốn nhà nước 35% vốn điều lệ tại Công ty:

- Thực hiện Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh, ban hành kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020.

- Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CTN-HĐQT ngày 29/12/2017 về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty với nội dung:

+ Năm 2018: Thoái vốn nhà nước 17% vốn điều lệ (từ 52% vốn điều lệ xuống còn 35% vốn điều lệ) đã thực hiện xong.

+ Năm 2019 tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước 35% vốn điều lệ. Thời gian chốt số liệu tài chính xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2018. Đến 31/12/2019 chưa thực hiện xong.

3.4. Phát hành vốn trong năm 2019: Không có

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1. Tổng tài sản	168.588.319.420	176.921.809.380
2. Doanh thu thuần	64.826.159.499	60.436.398.560
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.436.812.971	3.697.117.831
4. Lợi nhuận khác	532.222	149.475.862
5. Lợi nhuận trước thuế	3.437.345.193	3.846.593.693
6. Lợi nhuận sau thuế	3.033.985.251	3.434.576.276
7. Chỉ số khả năng thanh toán		
7a. Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,27	0,88
7b. Hệ số thanh toán nhanh	0,51	0,71
8. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
8a. Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,35	0,38
8b. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,55	0,62
9. Chỉ số về năng lực hoạt động		
9a. Vòng quay hàng tồn kho	11,16	6,53
9b. Doanh thu thuần/Tổng tài sản – TS loại	0,38	0,34
10. Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
10a. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,68%	5,68%
10b. Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,79%	3,15%
10c. Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản – TS loại	1,80%	1,94%
10d. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	5,30%	6,12%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Cổ phần nhà nước (UBND Tây Ninh tỉnh sở hữu)

- Thông tin:

+ Tên tổ chức sở hữu cổ phần: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

+ Địa chỉ trụ sở chính: 136 Trần Hưng Đạo, P2, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Điện thoại: (0276) 3822 233 Fax: (0276) 3827 290

+ Số lượng: 3.701.940 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 35% vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Cấp thoát nước Tây Ninh

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.576.827 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.576.827 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.3. Cơ cấu sở hữu trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2019)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	3.701.940	37.019.400	35%
II	Cổ đông trong nước	6.874.887	68.748.870	65%
1	Cổ đông DNP Water	6.290.332	62.903.320	59,47%
2	Cổ đông cá nhân khác	584.555	5.845.550	5,53%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-

5.4. Danh sách cổ đông lớn (>5% vốn điều lệ):

Không có

5.5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

31/12/2019: Vốn nhà nước sở hữu 35%

5.6. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có

5.7. Các chứng khoán khác:

Không có

6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng các hóa chất xử lý nước như: Clo, PAC, phèn, vôi, ... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Dầu diesel chỉ được sử dụng để chạy máy phát điện khi cúp điện. Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nguyên nhiên vật liệu và khuyến khích toàn thể Người lao động thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện các hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn của hệ thống quản lý môi trường, các chính sách môi trường được xây dựng và triển khai nhằm hướng tới 3 mục tiêu chính:

- Tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về môi trường (không có vi phạm và không có khiếu nại kiên quan đến môi trường).

- Giảm thiểu rủi ro sự cố môi trường, tập trung vào ô nhiễm nguồn nước: nước mặt, nước ngầm.
- Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Chính vì thế, hàng năm, Công ty luôn tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong môi trường an toàn lành mạnh, được tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, tham gia các chuyên đề nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực bản thân.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Cơ chế chính sách về tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã cơ bản được hoàn thiện đồng bộ cho việc thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo hướng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong tình hình mới, đồng thời thúc đẩy và tạo điều kiện cho Công ty thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và điều kiện thị trường.

- Ban Giám đốc (BGĐ) đã triển khai các giải pháp, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, thực hiện kế hoạch 2019. Tập trung mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, tăng doanh thu. Áp dụng hóa đơn điện tử từ tháng 5/2018, ghi thu tại chỗ triển khai áp dụng từ 5/2019 và mở rộng nhiều phương thức thu tiền nước như: nhân viên đến thu tại nhà, ngân hàng thu hộ, viettel thu qua kênh viettelPay. Thực hiện lương khoán đối với bộ phận thu tiền nước.

- Quý IV/2019 BGD tiếp tục triển khai các dự án xây dựng hệ thống cấp nước huyện Tân Biên, Tân Châu và Dương Minh Châu.

- Từ 05/12/2018 DNP Water trở thành cổ đông lớn của WTN góp phần tạo động lực phát triển Công ty trong giai đoạn tiếp theo. DNP Water có vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng, là công ty tư nhân hàng đầu trong lĩnh vực nước sạch hiện nay tại Việt Nam, đã tham gia đầu tư, góp vốn mua cổ phần các công ty cấp thoát nước trên 10 tỉnh thành tại Việt Nam, là công ty tư nhân duy nhất về lĩnh vực nước sạch tại Việt Nam có sự tham gia đầu tư của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC – thuộc World Bank, DNP Water có sự hỗ trợ về công nghệ của đối tác Kobelco, một trong những công ty hàng đầu thế giới về công nghệ nước sạch.

- BGD triển khai thực hiện đồ án quy hoạch cấp nước khu du lịch Núi Bà Đen đến năm 2035 (Theo Quyết định số 1099/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của Chính phủ) đến các bộ phận chuyên môn. Hoàn thành hạng mục cung cấp 1.000 m³ nước vào hồ chứa ở chân núi. Trình báo cáo đầu tư nâng cấp, nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh từ 18.000 m³/ngày đêm lên 30.000 m³/ngày đêm và mạng lưới truyền tải phân phối khu vực Núi Bà

- BGD triển khai cho các bộ phận chuyên môn nghiên cứu bản đồ dự án hệ thống kênh dẫn nước Hồ Dầu Tiếng vượt sông Vàm Cỏ đông, cấp nước tưới cho huyện Châu Thành, Bến Cầu trong đó có cấp nước sinh hoạt, để có kế hoạch xây dựng nhà máy nước mặt trong tương lai sau năm 2022 (xin chi tiêu cấp nước thô phục vụ sinh hoạt), nguồn nước thô Hồ Dầu Tiếng dẫn về điểm cuối tại xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để có kế hoạch sử dụng nguồn nước này cho nhà máy cấp nước Bến Cầu trong tương lai (sau năm 2022) và có kế

hoạch trình xin chi tiêu sử dụng nước sinh hoạt từ nguồn nước kênh này phục vụ cho nhà máy cấp nước sạch trong tương lai.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:
 - + Cải thiện chất lượng nước bằng phương pháp súc rửa đường ống bằng mút xốp
 - + Xử lý sắt, man-gan trong nước không sử dụng hóa chất.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2019	01/01/2019
		VNĐ	VNĐ
I. Tài sản ngắn hạn	100	16.229.941.757	24.971.458.183
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	139.906.938	120.511.222
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13.337.449.297	19.850.490.286
3. Hàng tồn kho	140	2.733.003.703	4.709.175.536
4. Tài sản ngắn hạn khác	150	19.581.819	291.281.139
II. Tài sản dài hạn	200	152.358.377.663	151.950.351.197
1. Tài sản cố định	220	140.236.089.273	143.479.277.699
- Tài sản cố định hữu hình	221	140.063.366.174	143.272.480.617
- Tài sản cố định vô hình	227	172.723.099	206.797.082
2. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.467.948.122	332.245.246
3. Tài sản dài hạn khác	260	9.654.340.268	8.138.828.252
Tổng tài sản	270	168.588.319.420	176.921.809.380
III. Nợ phải trả	300	59.786.064.169	67.718.963.104
1. Nợ ngắn hạn	310	26.639.558.637	28.497.935.434
2. Nợ dài hạn	330	33.146.505.532	39.221.027.670
IV. Vốn chủ sở hữu	400	108.802.255.251	109.202.846.276
1. Vốn chủ sở hữu	410	108.802.255.251	109.202.846.276
Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	411	105.768.270.000	105.768.270.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.033.985.251	3.434.576.276
Tổng nguồn vốn	440	168.588.319.420	176.921.809.380

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Giải pháp về vốn

- Thực hiện các giải pháp tài chính của Công ty: đẩy nhanh công tác thu tiền nước, chủ động nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, ứng trước tiền nước để đầu tư tuyến cấp nước cho các hộ dân có nhu cầu, sử dụng triệt để nguồn vật tư chậm thanh toán trong 02 năm để phát triển mạng lưới cấp nước của Công ty.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

- Mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính, đối tác liên quan trong ngành nước và quan tâm đến sự phát triển của ngành tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án: cải tạo, xây dựng mới các nhà máy nước, đầu tư hệ thống mạng lưới, chống thất thoát nước... theo kế hoạch phát

triển kinh doanh của công ty.

3.2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Hàng năm, thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý, phát huy tiềm lực sẵn có của người lao động.

- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty sẽ xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên và quan tâm nhiều hơn đến cán bộ công nhân viên có năng lực. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo ra cơ chế linh hoạt để làm động lực cho cán bộ công nhân viên rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.

- Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của Công ty, luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng.

3.3. Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập Luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty.

- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng đặc biệt là sử dụng nguyên nhiên vật liệu (điện, PAC, clor, xăng, dầu) và đặc biệt là chi phí điện năng. Chi phí điện năng là khoản mục chi phí lớn trong giá thành nước máy do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm điện năng như:

- + Luôn chủ trương vận hành máy bơm và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm (trừ trường hợp thật cần thiết) để dự trữ tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng vào giờ cao điểm từ bể chứa hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.
- + Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng các thiết bị có khả năng hoạt động tương đương nhưng tiết kiệm được nhiều năng lượng hơn.
- + Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.
- + Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo quy định của Đảng và Pháp luật của Nhà nước. Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai. Đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương, xây dựng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng trong sản xuất và giám sát việc thực hiện các quy chế nội bộ

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

3.4. Giải pháp về chống thất thoát - thất thu nước

Công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư mở rộng nhà máy nhưng vẫn thu được sản lượng nước sạch phát ra mạng. Để tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước, Công ty cần thực hiện các biện pháp như sau:

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao, kiểm định ban đầu và định kỳ thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định, tăng cường kiểm tra chống thất thoát nước qua đồng hồ.

- Tận dụng mọi nguồn lực sẵn có để dò tìm thường xuyên, định kỳ thực hiện rà soát kiểm tra hệ thống mạng lưới nhanh chóng phát hiện ống nước bị rò rỉ để kịp thời khắc phục sửa chữa.

- Luôn có kế hoạch kiểm tra, kiểm soát việc đấu nối bất hợp pháp cũng như thất thu sản lượng trong công tác ghi chỉ số, thu tiền nước và có biện pháp xử lý thỏa đáng.

- Hàng năm Công ty sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước. Từng bước thay các tuyến ống cũ, kém chất lượng, hủy bỏ các ống không còn sử dụng được, tiến hành phân vùng, tách mạng hình thành các DMA để kiểm soát thất thoát cho từng vùng tốt hơn.

- Việc cấp phép đào đường đã được rút ngắn từ 20 ngày xuống còn 5 ngày hoặc có thể thực hiện ngay (tùy theo khu vực) cho nên đối với các đối tượng nợ tiền nước mà không muốn thanh toán hoặc đấu nối bất hợp pháp phải xử lý nhanh để giảm lượng nước thất thu này.

- Chuẩn bị nguồn lực về mọi mặt để dẫn tiến đến đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng lưới.

- Các phòng ban trong công ty sẽ phối hợp với các đơn vị sản xuất để tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, cùng nhau tìm ra các phương án phù hợp với hiện trạng cấp nước từng khu vực quản lý để giảm tỷ lệ thất thoát.

- Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc chống thất thoát nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020

- Sản lượng nước sản xuất:	10.650.585 m ³
- Sản lượng nước tiêu thụ:	8.633.035 m ³
- Tỷ lệ hao hụt:	18,94 %
- Tổng doanh thu:	67.296.009.949 đồng
Trong đó: + Doanh thu nước máy:	66.570.846.787 đồng
+ Dịch vụ công trình:	725.163.162 đồng
- Tổng chi phí:	67.206.099.711 đồng
Trong đó: + Chi phí nước máy:	63.992.666.917 đồng

+ Chi phí tài chính:	2.633.302.274 đồng
+ Chi phí dịch vụ công trình:	580.130.520 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	89.910.238 đồng
- Tổng quỹ lương:	15.253.700.056 đồng
Trong đó: + Quỹ lương Người lao động:	13.692.713.562 đồng
+ Quỹ lương Viên chức quản lý:	1.560.986.494 đồng

4.2. Các chỉ tiêu công trình xây dựng cơ bản (XDCB)

a) Công trình XDCB năm 2020:

- Tổng dự toán đầu tư XDCB năm 2020: 92.343.120.000 đồng

Trong đó: + Đầu tư lưới cấp nước: 20.143.120.000 đồng

+ Tổng chiều dài phát triển mạng lưới cấp nước: 114.968 m

+ Đầu tư các công trình khác: 72.200.000.000 đồng

b) Trọng tâm thực hiện các công trình chủ yếu như sau:

- Mở rộng mạng lưới cấp nước

- Thu hồi mặt bằng, lập và trình phê duyệt hồ sơ đầu tư xây dựng Nhà máy nước Trảng Bàng giai đoạn I;

- Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Tây Ninh giai đoạn I: 18.000 m³/ngày lên 30.000 m³/ngày. Đầu tư mạng lưới cấp nước thị trấn huyện Dương Minh Châu;

- Đầu tư mạng lưới cấp nước và trạm cấp nước Tân Biên công suất 2.000 m³/ngày;

- Đầu tư mạng lưới cấp nước và xây dựng nhà máy nước hồ Tha La Tân Châu công suất giai đoạn I là 5.000 m³/ngày.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Công ty đã tích cực quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nước, tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng để khẳng định uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng đối tượng khách hàng.

- Tích cực phát triển các giải pháp gia tăng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng tiêu thụ như nghiên cứu phát triển mở rộng mạng lưới tuyến ống trên cơ sở phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và đạt hiệu quả kinh tế tối ưu nhất, đặc biệt quan tâm những khu vực chưa có nước.

- Dịch vụ lắp đặt mới cho khách hàng cần phải tiện lợi, nhanh chóng cũng như chi phí thấp nhất có thể cho khách hàng. Phải có sự kiểm soát chặt chẽ và phải ấn định thời gian cho khâu thủ tục hồ sơ cũng như thi công lắp đặt. Không gây khó khăn hay mưu cầu lợi ích riêng cho cá nhân trong việc khách hàng lắp đặt mới để nâng mức hài lòng của khách hàng đối với

dịch vụ, từ đó sẵn sàng chi trả cho sản phẩm do công ty cung cấp. Có biện pháp xử lý thỏa đáng đối với các hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp hành động gây cản trở cho sự phát triển của Công ty.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- TNW xây dựng tổng quỹ lương trên cơ sở năng suất lao động hợp lý.
- Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người, có thể khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, bộ phận theo nhiệm vụ được giao.
- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sản xuất, biện pháp quản lý mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tổ chức tuyên truyền về sử dụng nước sạch đến cộng đồng.
- Hiện nay giá nước do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở Công ty xây dựng phương án theo Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn, được các Sở ban ngành thẩm định. Do vậy có sự bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giá nước không được thực hiện theo lộ trình trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt, cũng cố tinh thần đoàn kết nhất trí trong nội bộ Công ty. Sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu công việc đã phát huy tốt năng lực chuyên môn và từng bước nâng lên tầm chuyên nghiệp. Tập trung phát triển tư duy hoạt động mang tính dịch vụ phục vụ khách hàng đạt được sự hài lòng cao nhất. Động viên sự sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã góp phần góp phần đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nêu trên.

Công ty luôn chú trọng đến việc đảm bảo quá trình sử dụng hóa chất trong xử lý nước và nước xả thải đưa ra ngoài môi trường không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh theo quy định.

Công tác quản trị tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2019, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành.

Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị.

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 giao.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

- Quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, đảm bảo cung cấp nước liên tục 24/24 giờ với áp lực mạnh với chất lượng nước đảm bảo; thực hiện các giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống < 19,30% trong năm 2020.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(- Kiểm toán viên: Nguyễn Địch Dũng, số giấy CN ĐKHN kiểm toán 2484-2019-068-1;

- Phó Giám đốc: Lê Thế Việt, số giấy CN ĐKHN kiểm toán 0821-2018-068-1. Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Số 19-11-116-2): Đính kèm file pdf

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
TÂY NINH
TP. TÂY NINH, T. TÂY NINH
M.S.D.N.: 3900243782 - C.T.C.P.
Nguyễn Thế Bảo